

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HS-PT
Ngày: 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ và ông Đỗ Đồng Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2017/HS-PT ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Chu Văn L, do có kháng cáo của bị cáo Chu Văn L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2017/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

Chu Văn L, sinh năm 1976 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn M (đã chết) và bà Lê Thị B; có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2015 đến ngày 13/02/2015; tại ngoại – Có mặt.

- Ngoài ra còn có bị cáo Phạm Văn Đ không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Nguyên đơn dân sự: Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên lâm phần của các công ty X và Y.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Đình D – Chức vụ: Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện S, Tổ phó Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên lâm phần của các công ty X và Y (BL 456) – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Hoàng Viết Q, sinh năm 1973 và chị Trương Thị D, sinh năm 1974;

Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Anh Hoàng Cao C, sinh năm 1970 và chị Trương Thị Y, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2014, Chu Văn L và Phạm Văn Đ cùng nhau nhận chuyển nhượng một diện tích rừng khoảng 14.000m² (1,4ha - diện tích này thuộc lô 26, khoảnh 2, tiểu khu 1108 trước đây do công ty X quản lý, hiện nay do Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên lâm phần của các công ty X và Y quản lý) từ Hoàng Viết Q với số tiền 360.000.000 đồng, có viết giấy tay (BL 53), tổng số tiền Chu Văn L và Phạm Văn Đ đã đưa cho Hoàng Viết Q (vợ Trương Thị D) là 130.000.000 đồng. Hiện trạng khi chuyển nhượng gồm khoảng 0,3ha đất không còn cây rừng (Hoàng Viết Q cho Hoàng Văn H mượn trồng khoai và bí); 0,7ha rừng thưa có cây rừng đường kính từ 10 -30cm và 0,3ha rừng rậm có cây rừng đường kính từ 10-30cm, cây rừng đường kính từ 40cm trở lên đã bị khai thác lấy gỗ từ trước. Sau khi nhận chuyển nhượng, Chu Văn L và Phạm Văn Đ đã phát dọn, chặt phá cây rừng để lấy đất làm rẫy, cụ thể Chu Văn L mượn của anh Hoàng Văn H 01 máy xịt thuốc, mua thuốc diệt cỏ để phun trên diện tích 0,7ha rừng thưa, dùng dao phát chặt các cây rừng có đường kính từ 10cm trở xuống, vết chặt cách gốc từ 20 - 60cm; và đổi công 01 ngày với Hoàng Văn T và Hoàng Văn H để dọn sạch cỏ chết. Đối với những cây rừng có đường kính từ 10 -30cm: Phạm Văn Đ mượn 01 cửa xăng của anh Hoàng Cao C (vợ Trương Thị Y), khi mượn Phạm Văn Đ chỉ nói là dùng để cửa cũi. Phạm Văn Đ, Chu Văn L thay nhau dùng cửa xăng cửa hạ những cây rừng xanh tươi, cây đứng có đường kính từ 10 -30cm, vết cửa cách gốc từ 20 - 60cm, thời gian thực hiện là từ 05 -06 giờ và 18 -19 giờ trong ngày từ tháng 4/2014 đến tháng 6/2014, diện tích rừng bị cửa hạ, phát dọn là 9.955m².

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 15/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện S đã tuyên phạt các bị cáo Chu Văn L và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo

08 tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”. Bản án bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị phúc thẩm. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 16/2016/HSST ngày 09/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 15/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện S để điều tra lại.

Tại bản kết luận giám định ngày 10/5/2016 và Thông báo đính chính ngày 18/5/2017 của Giám định viên tư pháp lâm nghiệp ông Nguyễn Phi V thuộc Hạt Kiểm lâm huyện S, tỉnh Đắk Nông kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại: Lô rừng bị phá có diện tích 9.955m² thuộc lô 3 khoảnh 5 tiểu khu 1108 do Công ty X quản lý đến thời điểm này là khoảnh 2b tiểu khu 1108. Loại rừng: là rừng tự nhiên, rừng sản xuất; trạng thái: rừng tự nhiên núi đất, thường xanh nghèo kiệt (TXK). Mức độ thiệt hại 100%. Giá trị rừng bị thiệt hại tính thành tiền VNĐ (bao gồm giá trị về lâm sản và giá trị về môi trường) là 29.125.945 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2017/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện S quyết định: Tuyên bố bị cáo Chu Văn L và Phạm Văn Đ phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm b điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn L 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 04/02/2015 đến ngày 13/02/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ trong cùng vụ án, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 14/8/2017, bị cáo Chu Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, bị cáo Chu Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan; đồng thời bị cáo Chu Văn L bổ sung nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Chu Văn L về tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt 08 tháng tù Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Chu Văn L, áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Chu Văn L, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Chu Văn L không bào chữa, tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại bản kết luận giám định ngày 10/5/2016 của Giám định viên tư pháp lâm nghiệp ông Nguyễn Phi V thuộc Hạt Kiểm lâm huyện S, tỉnh Đắk Nông kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại là 9.955m². Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản và điểm a tiểu mục 3.4 mục 3 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, hành vi phạm tội của bị cáo Chu Văn L thuộc trường hợp phá rừng trái phép gây hậu quả nghiêm trọng theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm; phù hợp với các chứng cứ tài liệu thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Chu Văn L về tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chu Văn L:

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Chu Văn L mức án 08 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Do đó, không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo.

[3]. Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Chu Văn L:

Xét thấy bị cáo là người có vai trò thấp trong vụ án, góp số tiền ít hơn, hành vi phạm tội của bị cáo có phần hạn chế về nhận thức, mục đích bị cáo nhận chuyển nhượng để làm nương rẫy do gia đình nghèo khó, không có đất sản xuất. Diện tích rừng bị cáo hủy hoại là rừng nghèo kiệt, chỉ còn cây nhỏ và chỉ có 0,3ha là rừng rậm còn lại là rừng thưa (BL 214), đã bị cưa hạ những cây gỗ to trước đó, giá trị thiệt hại thấp (giá trị rừng bị thiệt hại tính thành tiền VNĐ bao gồm giá trị về lâm sản và giá trị về môi trường là 29.125.945 đồng). Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đó là có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho công ty X (BL 252);

gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương; mẹ ruột của bị cáo (bà Lê Thị B) là vợ liệt sỹ. Đặc biệt, nếu bắt bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì gia đình bị cáo lâm vào tình trạng đặc biệt khó khăn vì bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình; bị cáo đang trực tiếp nuôi mẹ già 68 tuổi là vợ liệt sỹ và 02 con nhỏ đang đi học (01 con sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2004) do bị cáo đã ly hôn vợ và vợ bị cáo đã đi khỏi địa phương.

Bị cáo đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án về phần hình phạt đối với bị cáo Chu Văn L, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Chu Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Chu Văn L, sửa bản án về phần hình phạt đối với bị cáo Chu Văn L, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm b điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn L 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Chu Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Chu Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- CA huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã H, huyện S;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu THCTP, HS.

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh